

-(으)ㄹ 지경이다

đến mức sắp, gần như đến nỗi

Miêu tả một trạng thái bị đẩy đến giới hạn. 지경 nghĩa là ranh giới — bạn bị dồn sát tới một ranh giới, và đó không bao giờ là ranh giới dễ chịu.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ 지경이다	쓰러지다 → 쓰러질 지경이에요
Kết thúc bằng phụ âm	-을 지경이다	죽다 → 죽을 지경이에요
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 지경이에요
Làm cụm từ chỉ mức độ	-(으)ㄹ 지경으로	쓰러질 지경으로 피곤했다
Khoảng cách	지경 là danh từ	쓰러질 지경이다
Sắc thái	cực độ và không mong muốn	cực độ dễ chịu thì không hợp

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng rút gọn của ㄹ: 만들다 thành 만들 지경이다. 지경 là danh từ nên viết cách.

Trạng thái được miêu tả là cực độ và không mong muốn — kiệt sức, đói, bức bối, suy sụp. Một trạng thái cực độ dễ chịu thì không hợp: 기뻐서 웃을 지경이에요 nghe sai.

Nó cố tình phóng đại. 배가 고파서 쓰러질 지경이에요 không có nghĩa là bạn đang thật sự ngã quỵ; nó có nghĩa là bạn đang than thở một cách sinh động.

Biến thể -(으)ㄹ 지경으로 biến nó thành cụm từ chỉ mức độ: 쓰러질 지경으로 피곤했다.

Ví dụ trong câu

- 1** 너무 배가 고파서 쓰러질 지경이에요.
Tôi đói đến mức sắp ngã quỵ.
- 2** 일이 밀려서 정신을 못 차릴 지경입니다.
Công việc chồng chất đến mức tôi không thể suy nghĩ tỉnh táo.
- 3** 하도 시끄러워서 미칠 지경이었어요.
Ồn đến mức tôi phát điên lên.
- 4** 빚이 늘어 집을 팔아야 할 지경에 이르렀다.
Nợ nần chồng chất đến mức phải bán nhà.
- 5** 주문이 밀려서 밤새 만들 지경이에요.
Đơn hàng dồn ứ đến mức chúng tôi gần như phải làm suốt đêm.
- 6** 숨을 쉬기 힘들 지경으로 매웠습니다.
Cay đến mức khó thở.

So sánh với

-(으)ㄹ 정도로
Đến mức đo bất kỳ mức độ nào, tốt hay xấu; 지경이다 chỉ dành cho trạng thái bạn đang phải chịu đựng.
배가 아플 정도로 웃었어요. (cười đến đau cả bụng) / 쓰러질 지경이에요. (sắp ngã quỵ đến nơi)

-(으)ㄹ 뻔하다
뻔하다 kể lại một lần suýt nữa đã qua; 지경이다 miêu tả trạng thái bạn đang ở ngay bây giờ.
쓰러질 뻔했어요. (tôi suýt ngã quỵ) / 쓰러질 지경이에요. (tôi sắp ngã quỵ đến nơi)

-(으)ㄹ 나머지
나머지 nói rằng một trạng thái cực độ đã dẫn đến hệ quả; 지경이다 lấy chính trạng thái cực độ làm trọng tâm.
놀란 나머지 말도 못 했다. (giật mình đến mức) / 미칠 지경이었다. (tôi sắp phát điên)

Lưu ý

- ✗ 너무 기뻐서 웃을 지경이에요.**
○ 너무 기뻐서 웃음이 나올 정도예요.
지경이다 miêu tả trạng thái bạn đang chịu đựng. Với mức cực độ dễ chịu, 정도 mới là từ đúng.
- ✗ 밤새 만들을 지경이에요.**
○ 밤새 만들 지경이에요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이에요.
- ✗ 배가 고파서 쓰러질지경이에요.**
○ 배가 고파서 쓰러질 지경이에요.
지경 là danh từ và viết cách sau định ngữ.